



gāng sī

钢丝

noun · steel wire

Example Sentences

Zhè gēn gāng sī hěn jiē shí
这根 钢丝很结实。

This steel wire is very sturdy.

Tā yòng gāng sī bǎ xiāng zǐ kǔn jǐn le
他用 钢丝把 箱子捆紧了。

He tied the box tightly with steel wire.

Zá jì yǎn yuán zài gāng sī shàng xíng zǒu
杂技演员在 钢丝上 行走。

The acrobat walks on a steel wire.

Trace each character, then write the word on your own.

钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢	钢
钢										
丝	丝	丝	丝	丝	丝	丝	丝			